

Bản án số: 25/2018/DS-ST

Ngày: 07/5/2018

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Hữu Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Lợi

Ông Dương Thất Đà

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-DS ngày 21/6/2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Dương Tin T, sinh năm 1963

Địa chỉ: phường L, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: phường T, quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Trần Thị M, sinh năm 1961

Địa chỉ: M phường L, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà M tại phiên tòa: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1978 (Có mặt).

2/ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1957 (Có mặt).
Địa chỉ: phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975 (Có mặt).
Địa chỉ: phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
Địa chỉ: phường L, Quận C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Dương Tin T yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền mà ông cho rằng bà H đã vay của ông gồm 1 tỷ đồng vốn và tiền lãi theo mức lãi suất 13,5%/năm từ khi vay là ngày 26/7/2015 tính đến ngày 26/7/2017 là 270.000.000 đồng, tổng cộng là 1.270.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay một lần. Khi vay, chỉ có mặt bà H, không có mặt ông B (là chồng bà H). Bà H là người trực tiếp nhận tiền. Bà H tự viết và ký tên trên giấy mượn tiền ngày 25/7/2013. Khi giao tiền có mặt vợ của ông là bà Trần Thị M. Ngoài ra không có ai chứng kiến việc giao tiền. Khi cho vay thì không tính lãi.

Ngoài lần cho vay trên thì vào ngày 25/11/2010 ông còn cho bà H vay 1 tỷ đồng và bà H đã trả cho ông 01 tỷ đồng vào ngày 08/01/2017. Ông T có nhận tiền và ghi rõ “nội dung trả tiền ngày 25/11/2010 mà chị H trả tiền đã mượn”.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H (có ông Phạm Văn B, là chồng bà H, làm đại diện) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông B cho rằng: Khoảng tháng 9/2010, bà H vay của ông T 350.000.000 đồng nhưng đến ngày 25/11/2010 thì bà H mới viết giấy mượn tiền và vay thêm 650.000.000 đồng, cộng chung lại là 1 tỷ đồng. Hai bên thỏa thuận trả tiền lãi bằng lời nói, không ghi trong hợp đồng với tiền lãi là 30.000.000 đồng/1 tháng. Từ ngày 25/11/2010 đến tháng 3/2013 thì bà H trả tiền lãi được 840.000.000 đồng. Sau đó thì không còn khả năng thanh toán. Đến ngày 25/7/2013 thì bà H viết lại giấy mượn tiền 1 tỷ đồng cho ông T vì ông T nói giấy mượn tiền ngày 25/11/2010 đã bị thất lạc. Giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 thì bà H viết nhưng không ký tên. Ngày 08/01/2017 tại nhà ông và bà H (có mặt vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Ngọc Y, ông Phạm Kim B), bà H đã trả cho ông T 01 tỷ đồng. Ông T có viết giấy nhận tiền.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/3/2018, phía bị đơn có cung cấp Sổ thông tin (bản pho to copy) do chính ông T ghi từng tháng và cộng lại là 1.065.000.000 đồng và 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện của ông T và bà H được cụ thể hóa bằng “Bản tường trình diễn biến sự việc xảy ra” ghi lại nội dung cuộc ghi âm để chứng minh rằng số tiền mà ông T khởi kiện yêu cầu bà H đã trả là số tiền vay vào ngày 25/11/2010.

Sau khi ông Vũ Xuân H (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) xem xét Sổ thông tin ghi nợ và nghe đoạn ghi âm thì ông H thừa nhận giọng nói được ghi âm là giọng của ông Dương Tin T và nội dung ghi âm cuộc nói chuyện ngày 08/01/2017 và nội dung mà ông B ghi ra theo “Bản tường trình diễn biến sự việc xảy ra” ngày 05/02/2018 là giống nhau, chữ viết trong các giấy nợ và trong Sổ thông tin mà bị đơn cung cấp là chữ viết của ông Dương Tin T nhưng ông H cho rằng các chứng cứ này không liên quan đến khoản nợ mà ông T khởi kiện. Ông H cho rằng khoản nợ 01 tỷ đồng cho vay vào ngày 27/5/2013 là không có lãi.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà là em ruột của bà H. Năm 2010 bà H vay tiền của ông T là vay dùm cho bà vì bà không đủ uy tín để ông T cho vay. Bà chỉ biết có khoản vay này và không nghe nói có bất cứ khoản vay nào khác. Ngày 08/01/2017, Phạm Văn B (là con của bà H) có đưa tiền ra để trả cho ông T 01 tỷ đồng và bà viết giấy mượn nợ lại đối với B. Chuyện vay tiền dùm, chuyện bà viết giấy mượn nợ của Phạm Văn B thì tự các bên sẽ giải quyết với nhau, không liên quan gì đến vụ kiện này. Bà không nghe ai nói gì đến khoản nợ năm 2013 mà bà H viết giấy nợ cho ông T.

* Tại phiên tòa hôm nay, hai bên có ý kiến như sau:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như đã trình bày. Đối với khoản vay năm 2013 thì đây là một khoản vay mới, không liên quan gì đến khoản vay năm 2010. Khoản vay năm 2010 là không có lãi, còn khoản vay 2013 thì có lãi nhưng thỏa thuận bên ngoài và ông T chỉ mới nhận lãi được 55.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho ông T tiền vốn là 01 tỷ đồng, tiền lãi tính đến hôm nay là 435.240.000 đồng, tổng cộng là 1.435.240.000 đồng.

+ Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì giấy nhận nợ của bà H năm 2013 chỉ là viết lại khoản vay năm 2010, hoàn toàn không có thêm khoản vay năm 2013. Điều này thể hiện qua Sổ thông tin ghi nợ do chính tay ông T viết và băng ghi âm cuộc nói chuyện ngày 08/01/2017.

+ **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:** Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách đương sự; Thời hiệu khởi kiện vẫn còn; Thủ tục thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng, thủ tục khai mạc phiên tòa, tranh tụng đúng pháp luật. Các đương sự tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 do chính tay bà Nguyễn Thị H viết đủ cơ sở cho rằng bà H có vay của ông T 01 tỷ đồng vào ngày 25/7/2013. Trong giấy mượn tiền này hoàn toàn không có gì thể hiện là viết lại khoản vay của năm 2010. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã mượn, còn bị đơn cho rằng đây là khoản tiền vay, nên đây là tranh chấp về hợp đồng, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là người Việt Nam cư trú tại địa bàn Quận 2 nên Tòa án nhân dân Quận 2 có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Sổ thông tin ghi nợ do bị đơn đưa ra tuy là bản photocopy nhưng được nguyên đơn thừa nhận; Nội dung đoạn ghi âm được nguyên đơn thừa nhận là giọng nói của ông Dương Tin T và được cụ thể hóa nội dung bằng “Bản tường trình diễn biến sự việc xảy ra” do bị đơn ghi ra ngày 05/02/2018, được nguyên đơn thừa nhận đúng nội dung ghi âm. Các tài liệu này được xem là chứng cứ và không phải chứng minh về chữ viết và giọng nói theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo giấy viết tay do bà H viết ngày 25/11/2010 thể hiện bà H có mượn của ông Dương Tin T số tiền 350.000.000 đồng và có mượn thêm số tiền 650.000.000 đồng. Nội dung này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Như vậy khẳng định rằng ngày 25/11/2010 bà Hạnh có lập giấy mượn tiền của ông T với nội dung trên.

[3] Giấy viết tay đề ngày 25/7/2013 thể hiện bà H có mượn của ông T 01 tỷ đồng. Giấy viết tay này được người đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận đúng là chữ viết của bà H nên đây thuộc trường hợp không phải chứng minh chữ viết theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, khẳng định có tờ giấy viết tay ngày 25/7/2013. Tuy nhiên, để xác định ngày 25/7/2013 bà H có nhận của ông T 01 tỷ đồng hay không thì phải xem xét trong mối quan hệ với các chứng cứ khác. Việc tại phiên tòa hôm nay, ông B đề nghị giám định chữ ký của bà H trên giấy viết tay đề ngày 25/7/2013 vì cho rằng bà H viết chứ không ký tên, là không có ý nghĩa gì, vì nếu giả sử bà H có nhận tiền thì nội dung chữ viết của bà H đã đủ cơ sở để chứng minh chứ không cần phải có chữ ký. Do đó, đề nghị của ông B là không được chấp nhận.

[4] Theo Sổ thông tin ghi nợ được nêu ở [1] có nội dung “Ngày 25/7/2013 là 110.000.000 đồng” và có ghi chú bên cạnh là “năm 2010 chuyển qua”. Liên tục từ ngày 25/8/2013 cho đến ngày 25/12/2016 đều đặn mỗi tháng

vào ngày 25, ông T đều ghi số tiền lúc đầu là 20.000.000 đồng, sau đó là 25.000.000 đồng. Các số cộng lại cuối cùng mà ông T ghi là 1.065.000.000 đồng. Tất cả các chỉ số này đều thể hiện bắt đầu từ số nợ từ năm 2010, tính dần cho đến năm 2016 mà hoàn toàn không có bất cứ khoản nợ 01 tỷ đồng nào theo Giấy mượn tiền ngày 25/7/2013.

[5] Theo “Bản tường trình diễn biến sự việc xảy ra” ghi lại nội dung ghi âm đã được nêu ra ở [1] thể hiện:

- Khi bà Y hỏi ông T thời gian cho mượn thì ông T trả lời ở 7 phút 30 giây như sau: *“Tháng 02/2010 khi đó bắt đầu mượn, mượn có 600 triệu thôi, sau đó mượn thêm 350 triệu vì hai tháng sau mới mượn là 01 tỷ... có trả tiền trong vòng mấy tháng thì có trả lời”*.

- Ở phút thứ 9 ông T nói *“tắt đài, đứng hình từ ngày 25/7/2013...”*.

- Ở 11 phút 46 giây ông T nói: *“lãi cũng không có cao, đâu phải 3-5 lai đâu. Lúc đầu 3 lai, dì Đinh xin rồi chấp nhận nếu trả liền mỗi tháng thì 2,5 lai nhưng mà không có trả đứng hình luôn từ 2013 đến giờ này”*.

Tất cả nội dung được viện dẫn ở [5] cho thấy bà H có vay ông T 01 tỷ đồng có lãi và ông T đã nhận tiền lãi lúc đầu là 30.000.000 đồng được thể hiện tiếng lóng là 3 lai, sau đó hạ xuống còn 25.000.000 đồng. Điều này hoàn toàn trùng khớp với số tiền 25.000.000 đồng mỗi tháng mà ông T bắt đầu ghi từ 25/11/2013 cho đến tháng 12/2016 trong Sổ thông tin ghi nợ nêu ở [1]. Việc trả lãi được thực hiện từ khi vay cho đến ngày 25/7/2013 (cũng là ngày bà H viết giấy vay tiền 01 tỷ đồng mà ông T căn cứ vào đó để khởi kiện trong vụ án này).

- Ở 01 giờ 08 phút 48 giây, ông T nói *“má B thiếu 01 tỷ, chú nhận 01 tỷ”*. Điều này cho thấy đến ngày 08/01/2017 (ngày ghi âm) thì bà H chỉ có thiếu tiền vốn của ông T là 01 tỷ đồng và ông T đã nhận lại 01 tỷ đồng tiền vốn theo Giấy nhận tiền ngày 08/01/2017 mà ông T đã viết.

Với tất cả chứng cứ đã viện dẫn tại [1], [2], [4], [5] cho thấy bà H chỉ có 01 khoản vay duy nhất của ông T là khoản vay được lập theo giấy viết tay của bà H vào ngày 25/11/2010. Từ thời điểm này trở đi thì hoàn toàn không có khoản vay nào khác. Do đó, việc ông T cho rằng ngày 25/7/2013 bà H có vay thêm 01 tỷ, là không có cơ sở để chấp nhận.

Với những chứng cứ đã viện dẫn cho thấy số tiền 01 tỷ đồng mà ông T khởi kiện chính là tiền lãi của số tiền 01 tỷ đồng mà bà H đã vay từ năm 2010.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Với những lý lẽ đã chứng minh cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

Trong vụ án này, các bên đều không có yêu cầu gì đối với khoản vay 01 tỷ đồng của năm 2010 và bên bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc tính

lại tiền lãi đã trả của khoản vay này. Do đó, theo phạm vi khởi kiện thì Tòa án không xem xét tính lại và điều chỉnh tiền lãi của khoản vay năm 2010. Tòa án chỉ xem xét và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn cho rằng là khoản vay được lập ngày 25/7/2013 vì không có khoản vay này. Do đó, nếu các bên có tranh chấp gì về khoản vay mà bà H viết giấy tay vào ngày 25/11/2010 thì các bên khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Đối với việc ông B ứng tiền ra trả nợ và bà T viết giấy nhận nợ đối với ông B thì đây là một quan hệ khác, các bên tự giải quyết với nhau. Nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí tính trên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Án phí mà ông T phải chịu là 55.057.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 121, 122, 471 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tin T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả 1.435.240.000 đồng.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Tin T phải chịu là 55.057.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 20.050.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0008174 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông T còn phải nộp thêm là 35.007.000 đồng.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q2;
- Chi Cục THADS Q2;
- Các đương sự;
- Lưu (P/10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Quách Hữu Thái

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 ngày 22/4/2016 tại Phòng nghị án phòng xử án TAND
Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán , Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Hữu Thái

- Các Hội thẩm:

1/ Bà Lê Thị Nhung

2/ Bà Hồ Thị Minh Nguyệt

Đã nghị án về vụ án “Tranh chấp về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở” theo hồ sơ thụ lý số 384/2012/TLST-DS ngày 02/10/2012, giữa nguyên đơn là bà Hứa Châu Mỹ Kim và bị đơn là Tịnh xá Ngọc Phước.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Châu Mỹ Kim về việc yêu cầu được công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với căn nhà có diện tích 40m² trên diện tích 146,2m² trong khuôn viên Tịnh xá Ngọc Phước (theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc bản đồ vẽ ngày 05/3/2012) hoặc yêu cầu Tịnh xá Ngọc Phước chấp nhận cho bà dời nhà sang một góc trong khuôn viên Tịnh xá hoặc Tịnh xá Ngọc Phước có nghĩa vụ trả cho bà giá trị quyền sử dụng đất là 2.126.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Hứa Châu Mỹ Kim về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 903778 ngày 06/8/2004 mà Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh đã cấp cho Tịnh xá Ngọc Phước sử dụng.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của Tịnh xá Ngọc Phước về việc hỗ trợ cho bà Kim 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để bà Kim tìm chỗ ở khác, giao nhận ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp Tịnh xá Ngọc Phước chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Tịnh xá Ngọc Phước còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Hứa Châu Mỹ Kim phải chịu là 74.520.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Kim đã nộp là 24.000.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/08848 ngày 03/7/2015 của Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh và số tiền 12.000.000 đồng theo Biên lai thu số AE/2010/05311 ngày 18/10/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Bà Kim còn phải nộp thêm là 38.520.000 đồng.

Bà Kim phải chịu các lệ phí đo vẽ, định giá, thẩm định giá mà bà Kim đã tạm nộp.

Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm

Hội thẩm

Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nhung

Hồ Thị Minh Nguyệt

Quách Hữu Thái